TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2019/QĐPT - DS	*Bắc Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Công Đồng

2. Ông Nguyễn Văn Tính

Tại quyết định chỉ giải quyết vụ án dân sự số 05/2019/QĐST – DS ngày 31/01/2019, Toà án nhân dân thành phố BN, tỉnh B đã căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 1096, đường LL, thành phố BG, tỉnh BG.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà M: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 78 LH, khu 4, phường TA, thành phố BN, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà M: Ông Nguyễn Chí D, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH DT – Đoàn Luật sư tỉnh B.

* *Bị đơn:* 1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1952;

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Khu 5, phường ĐP, thành phố BN, tỉnh B.

Tại đơn kháng cáo ngày 01/02/2019 của nguyên đơn là Bà Trần Thị M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 05/2019/QĐST – DS ngày 31/01/2019, Toà án nhân dân thành phố B.

XÉT THẤY:

Theo các tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thì thấy: Mặc dù Ông Trần Văn N không thừa nhận việc chuyển nhượng thửa đất có diện tích 74,5 m^2 (nay là thửa số 233, tờ bản đồ số 42) tại Khu 5, phường ĐP, thành phố BN, tỉnh B cho Bà Trần Thị M. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 63/KLGĐ – PC54 ngày 19/6/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B đã xác định: Chữ ký dưới mục "người làm giấy chuyển nhượng" trên "Giấy chuyển nhượng đất ở" là do Ông Trần Văn N ký. Mặt khác, vợ Ông N là bà Muỗng cũng thừa nhận việc vợ chồng bà có ký chuyển nhượng cho Bà M thửa đất nêu trên. Vì vậy, có căn cứ để xác định năm 2007, Bà Trần Thị M và vợ chồng Ông Trần Văn N, Bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, việc giao kết hợp đồng này không tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng theo quy định tại Điều 167 Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 26/2/2018, nguyên đơn là Bà Trần Thị M có đơn khởi kiện đối với bị đơn là vợ chồng Ông Trần Văn N và Bà Nguyễn Thị M, trong đó Bà M yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết những vấn đề sau: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất ở ngày 07/12/2007 giữa bà và vợ chồng Ông N, Bà M1; Buộc vợ chồng Ông Trần Văn N và Bà Nguyễn Thị M thực hiện theo đúng hợp đồng chuyển nhượng đất nêu trên đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 42, diện tích 74,5 m^2 tại Khu 5, phường ĐP, thành phố BN, tỉnh B (BL13 - 15). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp của vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" là không đúng, mà cần xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là yêu cầu thực hiện hợp đồng, theo đúng yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện. Như vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2005 và Khoản 1 Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện của vụ án này là 02 năm kể từ ngày giao kết hợp đồng, là ngày 07/12/2007. Do đó, tính đến ngày khởi kiện là ngày 26/2/2018 thì thời hiệu khởi kiện của Bà M đã hết, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 để ra quyết định đình chỉ vụ án là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị M, cần giữ nguyên quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm

- *Về án phí phúc thẩm*: Bà Trần Thị M phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 05/2019/QĐST – DS ngày 31/01/2019, Toà án nhân dân thành phố BN, tỉnh B.

2. Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0001624 ngày 01/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Trần Thị M không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả Bà M 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0000678 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND thành phố BN;
- Chi cục THADS TP.BN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thanh Bình